TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

Bà Phạm Tú Nhi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 493/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1979; trú tại: Số 10.01 Block B, chung cư Bcons Garden, khu phố Th, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Thái Tuỷ, sinh năm 1979; trú tại: Số 10.01 Block B, chung cư Bcons Garden, khu phố Th, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D trình bày:

Chị D và anh Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyển số 01/2004 ngày 05 tháng 10 năm 2004.

Sau khi kết hôn, chị D và anh Th chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều phát mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cũng đã can thiệp nhưng không thể giải quyết được. Hiện tại, chị D và anh Th đã sống ly thân. Nay, chị D thấy vợ chồng không tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Lê Ngọc Bảo Kh, sinh ngày 25/5/2005 và Lê Tuấn M, sinh ngày 04/6/2007. Hiện tại cháu Kh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu M, sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Thái Th được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị D khởi kiện anh Th yêu cầu được ly hôn, anh Th hiện đang trú tại chung cư Bcons Garden, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị D có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D và anh Th theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh Th tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyển số 01/2004 cấp ngày 05/10/2004, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Th là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị D xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù sống chung nhà nhưng từ năm 2015 đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau.

Anh Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Dung được ly hôn với anh Th.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lê Ngọc Bảo Kh, sinh ngày 25/5/2005 và Lê Tuấn M, sinh ngày 04/6/2007. Hiện tại cháu Kh đã thành niên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu M, sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Cháu Lê Tuấn M còn nhỏ và chị D là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu được ổn định nên cần tiếp tục giao cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D đối với bị đơn anh Lê Thái Th về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với anh Lê Thái Th (theo giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyển số 01/2004 do UBND xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/10/2004).

- Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn M, sinh ngày 04/6/2007 cho chị Nguyễn Thị Phương D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Lê Ngọc Bảo Kh, sinh ngày 25/5/2005 đã thành niên, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

Sau ly hôn, chị D và anh Th có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0001453 ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.